

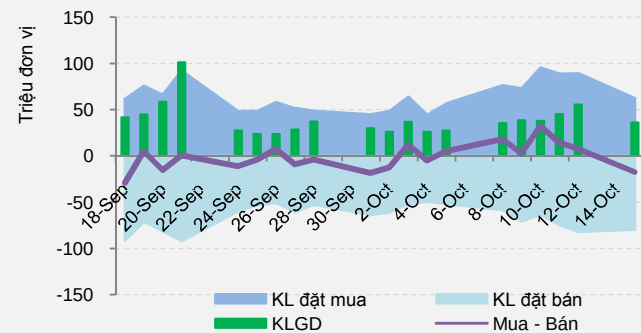
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 15/10/2012

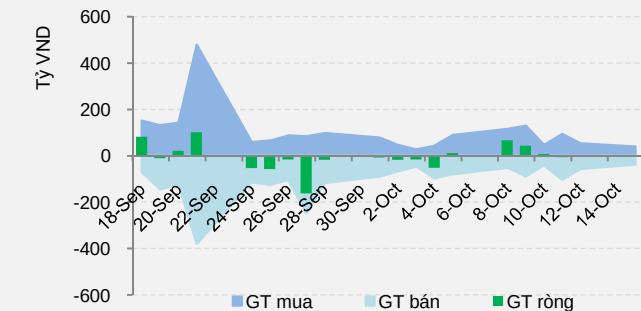
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	391.6	54.9
% Thay đổi	↓ -0.2%	↓ -0.9%
KLGD (CP)	36,036,000	24,863,239
GTGD (tỷ đồng)	418.08	178.83
Tổng cung (CP)	79,599,280	43,721,600
Tổng cầu (CP)	62,296,770	37,816,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,246,980	1,079,000
KL mua (CP)	2,193,550	401,300
GTmua (tỷ đồng)	40.53	2.38
GT bán (tỷ đồng)	37.00	4.70
GT ròng (tỷ đồng)	3.54	(2.31)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.66%	7.7	1.4	3.3%
Công nghiệp	↓ -1.27%	10.1	0.8	8.8%
Dầu khí	↓ -1.06%	4.7	1.0	2.3%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.20%	8.7	1.1	0.3%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.34%	7.0	2.2	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 1.61%	13.1	4.1	16.0%
Ngân hàng	↓ -0.60%	4.6	1.3	16.4%
Nguyên vật liệu	↓ -1.11%	5.7	2.0	15.1%
Tài chính	↓ -0.77%	25.3	3.0	32.3%
Tiện ích Cộng đồng	↓ -1.54%	11.5	2.5	5.2%
VN - Index	↓ -0.25%	10.9	2.6	70.1%
HNX - Index	↓ -0.90%	7.4	1.5	29.9%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	214,480	0.6%	299,890	0.8%
GTGD (triệu VND)	2,378	0.6%	4,211	1.0%

TIẾP PHIÊN ĐIỀU CHỈNH GIẢM – NHÓM CỔ PHIẾU NÓNG GIẢM GIÁ MẠNH

Diễn biến thị trường:

- Thị trường tiếp phiên điều chỉnh với thanh khoản thấp so với phiên trước.

- Nhóm cổ phiếu nóng thuộc ngành BĐS, khoáng sản (ITA, KBC, FLC) chịu áp lực cung khá mạnh. Mức độ giảm điểm của HNX-Index mạnh hơn VN-Index.

Nhận định:

Thị trường tiếp phiên điều chỉnh khi tiếp cận ngưỡng kháng cự kỹ thuật. Nhóm cổ phiếu nhỏ đã tăng nóng chịu áp lực bán khá mạnh. Còn lại đa số cổ phiếu biến động giá không nhiều.

Xét theo đồ thị intraday, chỉ số VN-Index đã phục hồi nhẹ về cuối phiên khi tiếp cận mốc hỗ trợ của đường MA12; HNX-Index phục hồi nhẹ khi giảm đến mốc hỗ trợ 54.65 điểm. Tuy nhiên diễn biến phục hồi chưa đi kèm với sự cải thiện thanh khoản. Trừ một số cổ phiếu đột biến như EIB, SSI, PVX, khối lượng khớp lệnh toàn thị trường chưa có nhiều cải thiện.

Về phía yếu tố vĩ mô, hôm nay một số phương tiện thông tin đưa tin dự báo CPI tăng mỗi tháng khoảng 1% trong quý cuối năm. Nếu CPI tháng 10 tăng 1%, chỉ số này sẽ tăng 6% so với đầu năm, và tăng 7% so với cùng kỳ. Như vậy có thể thấy sức ép lạm phát đang dần tăng lên, khi thời điểm cuối năm thường là cao điểm tăng giá tiêu dùng.

Theo vụ Quản lý thuế doanh nghiệp lớn, ngoài doanh nghiệp thuộc lĩnh vực bất động sản, xây dựng và sản xuất - lắp ráp ô tô, hầu hết doanh nghiệp lớn vẫn hoạt động ổn định. Trong 9 tháng đầu năm, thu nội địa từ doanh nghiệp lớn (đóng góp hơn 1/3 tổng thu NSNN) tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2011, cao hơn nhiều mức tăng 0.7% từ toàn bộ doanh nghiệp nói chung. Những ngành nghề có mức tăng cao là dầu khí, bia - rượu - nước giải khát, viễn thông. Số liệu này cho thấy thu thuế từ các doanh nghiệp vừa và nhỏ giảm 3.88%. Kết hợp với số nợ đọng thuế của các doanh nghiệp tính đến hết tháng 9 chiếm 6.8% tổng thu nội địa, trong đó, nợ thuế của khối DNNN chiếm 13% tổng số nợ, hoạt động kinh doanh của đa số doanh nghiệp trong nước vẫn trong tình trạng khó khăn.

Diễn biến thị trường giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu tiêu cực về kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh. Trong phiên giao dịch ngày mai, chỉ số VN-Index đang tiến đến vùng hỗ trợ của đường MA12 và mốc thoái 61.8% của dải Fibonacci của sóng tăng ngắn hạn từ đầu tháng 10; HNX-Index tiến đến vùng hỗ trợ của đường MA12 và mốc 54.65 điểm. *Thị trường dự kiến sẽ giằng co hơn trong phiên giao dịch ngày mai, khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật.*

Diễn biến thị trường tại ngưỡng hỗ trợ sẽ quyết định xu hướng thị trường. Với tương quan cung cầu toàn thị trường hiện tại, chúng tôi vẫn đánh giá khả năng thị trường tiếp tục xu hướng tăng ngắn hạn sau giai đoạn điều chỉnh có xác suất cao hơn.



VNINDEX - Daily 10/15/2012 Open 392.88, HI 394.09, Lo 390.46, Close 391.56 (-0.2%) BBTop(Price,20,2) = 398.48, BBBot(Price,20,2) = 384.12
50 = 401.23, MA2(Price,200) = 417.94, MA3(Price,12) = 390.13



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Phục hồi kỹ thuật	Tăng	Tăng
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
378	360	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
395	405	

HNXINDEX - Daily 10/15/2012 Open 55.42, HI 55.46, Lo 54.69, Close 54.94 (-0.9%) BBTop(Price,20,2) = 57.10, BBBot(Price,20,2) = 53.73,
50 = 60.70, MA2(Price,200) = 68.05, MA3(Price,12) = 54.90



Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Xu hướng dài hạn
Phục hồi kỹ thuật	Giảm	Giảm
Hỗ trợ 1	Hỗ trợ 2	Hỗ trợ 3
54	50	
Kháng cự 1	Kháng cự 2	Kháng cự 3
56	59	

VN-INDEX

- Chỉ số VN-Index tiếp phiên điều chỉnh kỹ thuật khi tiếp cận ngưỡng kháng cự.

- Xét theo đồ thị intraday chỉ số VN-Index đã phục hồi nhẹ về cuối phiên khi tiếp cận mốc hỗ trợ của đường MA12. Tuy nhiên diễn biến phục hồi chưa đi kèm với sự cải thiện thanh khoản.

- Diễn biến thị trường giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu tiêu cực về kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

- Thị trường dự kiến sẽ giảm co hơn trong phiên giao dịch ngày mai, khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật (đường MA12).

- Tuy nhiên, với tương quan cung cầu toàn thị trường hiện tại, chúng tôi vẫn đánh giá khả năng thị trường tiếp tục xu hướng tăng ngắn hạn sau giai đoạn điều chỉnh có xác suất cao hơn.

HNX-INDEX

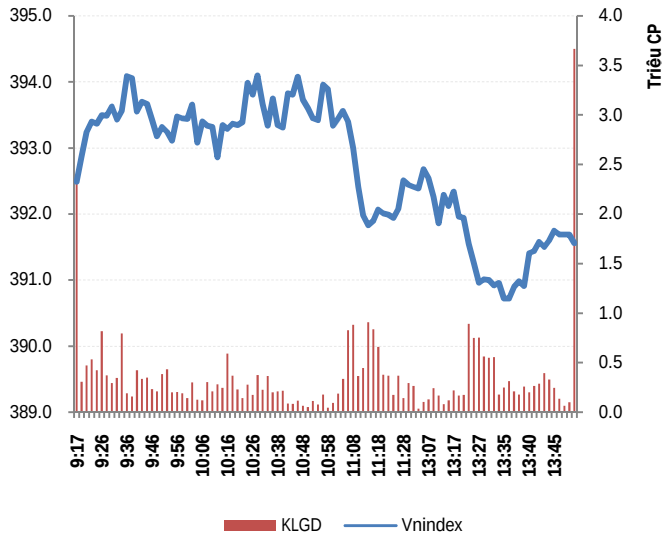
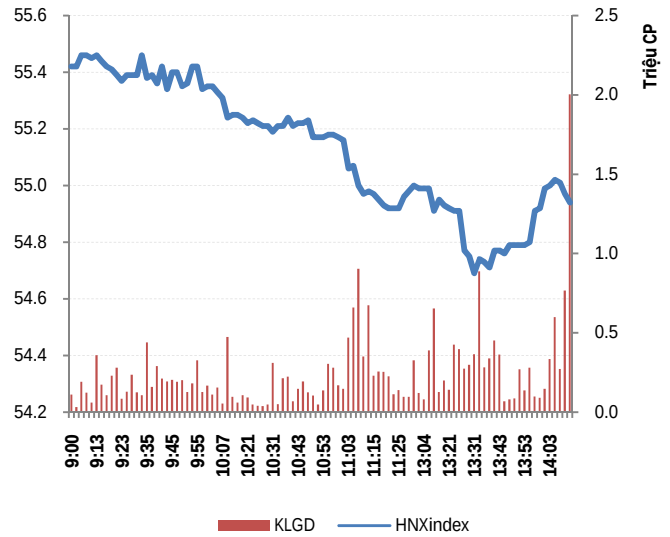
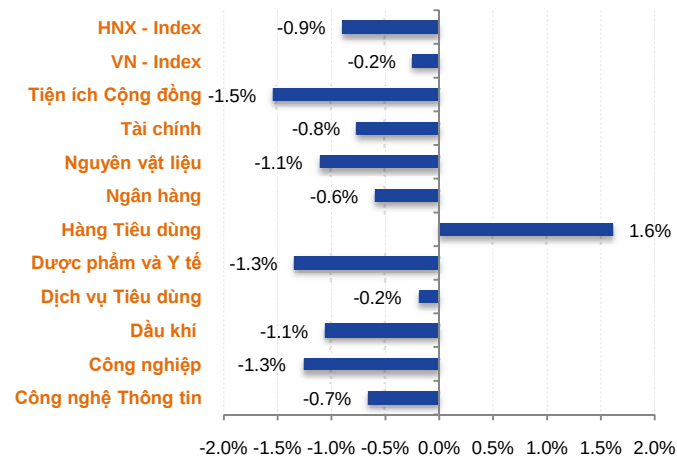
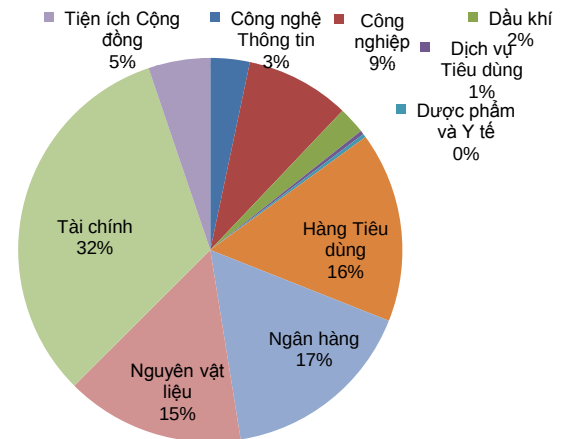
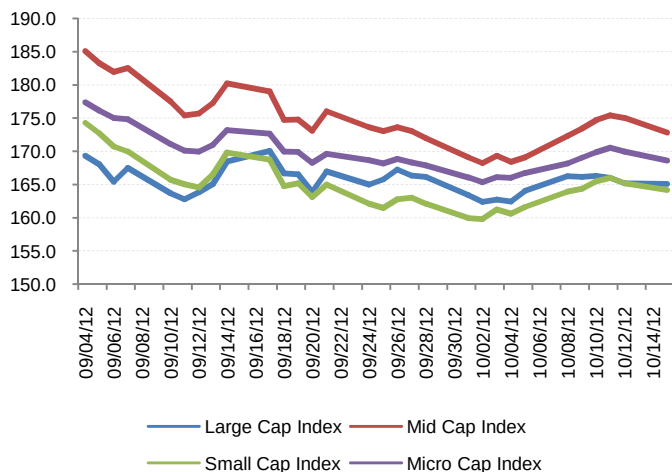
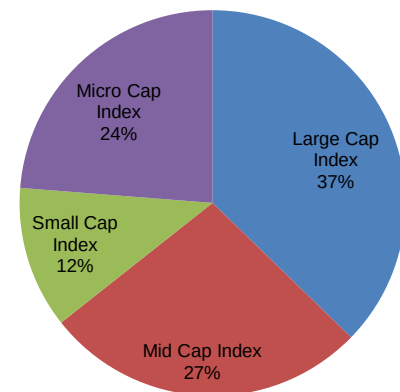
- Chỉ số HNX-Index tiếp phiên điều chỉnh kỹ thuật khi tiếp cận ngưỡng kháng cự.

- Xét theo đồ thị intraday chỉ số HNX-Index đã phục hồi nhẹ về cuối phiên khi tiếp cận mốc hỗ trợ 54.65 điểm. Tuy nhiên diễn biến phục hồi chưa đi kèm với sự cải thiện thanh khoản.

- Diễn biến thị trường giảm điểm nhẹ với thanh khoản thấp chưa cho tín hiệu tiêu cực về kỹ thuật trong giai đoạn điều chỉnh.

- Thị trường dự kiến sẽ giảm co hơn trong phiên giao dịch ngày mai, khi giảm đến ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật (đường MA12).

- Tuy nhiên, với tương quan cung cầu toàn thị trường hiện tại, chúng tôi vẫn đánh giá khả năng thị trường tiếp tục xu hướng tăng ngắn hạn sau giai đoạn điều chỉnh có xác suất cao hơn.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH
KLGD và VN-Index trong phiên

KLGD và HNX-Index trong phiên

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	KBC	711,730	STB	506,400
2	ITA	401,000	CTG	37,740
3	PGD	107,140	GAS	28,910
4	BVH	72,790	PVD	26,120
5	KDC	68,500	KMR	20,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIG	205,700	THV	629,400
2	HPC	30,600	VND	300,000
3	PVG	24,000	SCR	48,000
4	LAS	22,800	PVS	37,100
5	PPS	21,500	VCG	21,800

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	4.6	4.4	↓ -4.35%	5,749,970
KBC	5.7	5.7	→ 0.00%	2,307,820
TTF	4.6	4.5	↓ -2.17%	2,023,350
EIB	15.1	15.5	↑ 2.65%	1,666,030
STB	19.7	19.6	↓ -0.51%	1,542,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
VND	9.2	9.0	↓ -2.17%	2,528,100
KLS	8.0	7.9	↓ -1.25%	2,264,180
PVX	4.5	4.4	↓ -2.22%	2,239,205
SCR	6.3	6.1	↓ -3.17%	1,892,893
ACB	16.1	16.0	↓ -0.62%	1,529,013

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FDC	20.0	21.0	1.0	↑ 5.00%
HU3	8.0	8.4	0.4	↑ 5.00%
SMA	4.0	4.2	0.2	↑ 5.00%
PTB	12.1	12.7	0.6	↑ 4.96%
CTI	8.2	8.6	0.4	↑ 4.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SHN	1.1	1.2	0.1	↑ 9.09%
VCH	1.3	1.4	0.1	↑ 7.69%
VCC	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
NPS	11.7	12.5	0.8	↑ 6.84%
VFR	5.9	6.3	0.4	↑ 6.78%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
LGC	14.1	13.4	-0.7	↓ -4.96%
TDW	14.2	13.5	-0.7	↓ -4.93%
DHC	6.1	5.8	-0.3	↓ -4.92%
TAC	41.4	39.4	-2.0	↓ -4.83%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	1.4	1.3	-0.1	↓ -7.14%
AMV	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
MNC	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%
PPS	8.7	8.1	-0.6	↓ -6.90%
PXA	2.9	2.7	-0.2	↓ -6.90%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	5,749,970	1.2%	161	27.3	0.3
KBC	2,307,820	-1.5%	(222)	-	0.4
TTF	2,023,350	4.8%	859	5.2	0.3
EIB	1,666,030	20.5%	2,580	6.0	1.3
STB	1,542,100	14.5%	2,067	9.5	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VND	2,528,100	0.0%	(3)	-	0.8
KLS	2,264,180	5.9%	735	10.8	0.6
PVX	2,239,205	-8.3%	(981)	-	0.5
SCR	1,892,893	4.0%	649	9.4	0.4
ACB	1,529,013	27.7%	3,858	4.1	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FDC	↑ 5.0%	5.7%	1,098	19.1	1.1
HU3	↑ 5.0%	28.5%	4,265	2.0	0.6
SMA	↑ 5.0%	6.9%	687	6.1	0.7
PTB	↑ 5.0%	33.2%	4,805	2.6	0.9
CTI	↑ 4.9%	-1.3%	(162)	(53.1)	0.7

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SHN	↑ 9.1%	-70.3%	(5,147)	(0.2)	0.3
VCH	↑ 7.7%	-19513.9%	(10,976)	(0.1)	(0.3)
VCC	↑ 6.9%	17.2%	2,426	3.2	0.6
NPS	↑ 6.8%	17.8%	3,015	4.1	0.8
VFR	↑ 6.8%	-2.2%	(404)	(15.6)	0.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	711,730	-1.5%	(222)	-	0.4
ITA	401,000	1.2%	161	27.3	0.3
PGD	107,140	52.3%	11,837	3.1	1.3
BVH	72,790	12.1%	2,062	14.6	1.8
KDC	68,500	6.3%	1,714	18.7	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	205,700	-53.1%	(3,787)	-	0.3
HPC	30,600	-19.4%	(1,418)	-	0.5
PVG	24,000	7.2%	1,080	8.0	0.6
LAS	22,800	40.1%	5,920	4.7	1.6
PPS	21,500	13.6%	1,595	5.1	0.7

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	73,337	26.0%	4,692	8.2	2.8
VNM	68,352	37.9%	8,781	14.0	4.9
MSN	65,979	14.1%	4,142	23.2	4.7
VCB	55,618	11.6%	1,885	12.7	1.4
VIC	55,337	22.0%	2,769	28.5	5.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	15,003	27.7%	3,858	4.1	1.1
SQC	8,756	10.9%	1,221	65.2	6.8
SHB	5,405	15.3%	1,698	3.6	1.0
PVS	4,586	24.9%	4,752	3.2	0.8
PVI	3,510	8.2%	2,111	7.3	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KSH	2.48	-7.9%	(884)	-	0.6
DXG	2.43	0.6%	90	89.8	0.6
NVT	2.43	-8.5%	(925)	-	0.4
KTB	2.27	13.6%	1,459	4.9	0.7
HQC	2.27	2.9%	355	10.7	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	2.54	-25.0%	(2,067)	-	0.2
FLC	2.50	3.6%	790	8.5	0.4
PVV	2.50	-11.9%	(1,275)	-	0.3
S99	2.45	2.7%	292	14.0	0.4
BKC	2.39	-9.1%	(1,470)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)